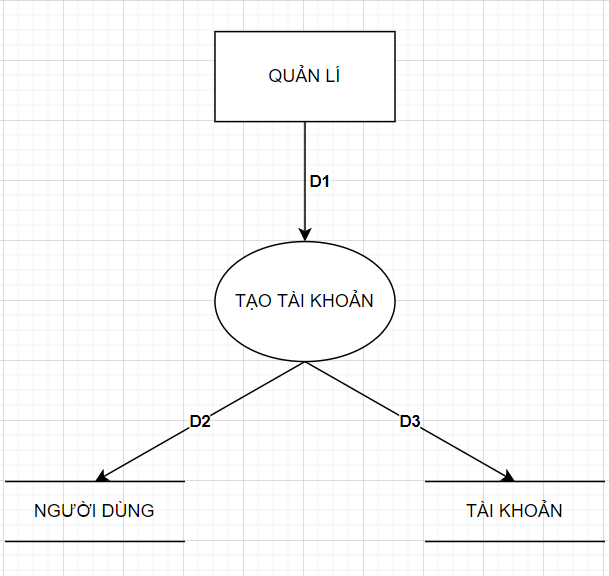
**CHỨC NĂNG “TẠO TÀI KHOẢN”**

**1. Giới thiệu:**

Khi cần tạo tài khoản cho một người dùng đã tồn tại trong hệ thống, quản lí sử dụng chức năng “tạo tài khoản” sau khi chọn người dùng.

Mã tài khoản sẽ được sinh tự động bởi hệ thống. Username được mặc định là CMND đối với khách hàng và là mã nhân viên đối với nhân viên, Password mặc định là ngày tháng năm sinh với định dạng ddmmyyyy.

**2. Sơ đồ luồng dữ liệu (DFD):**

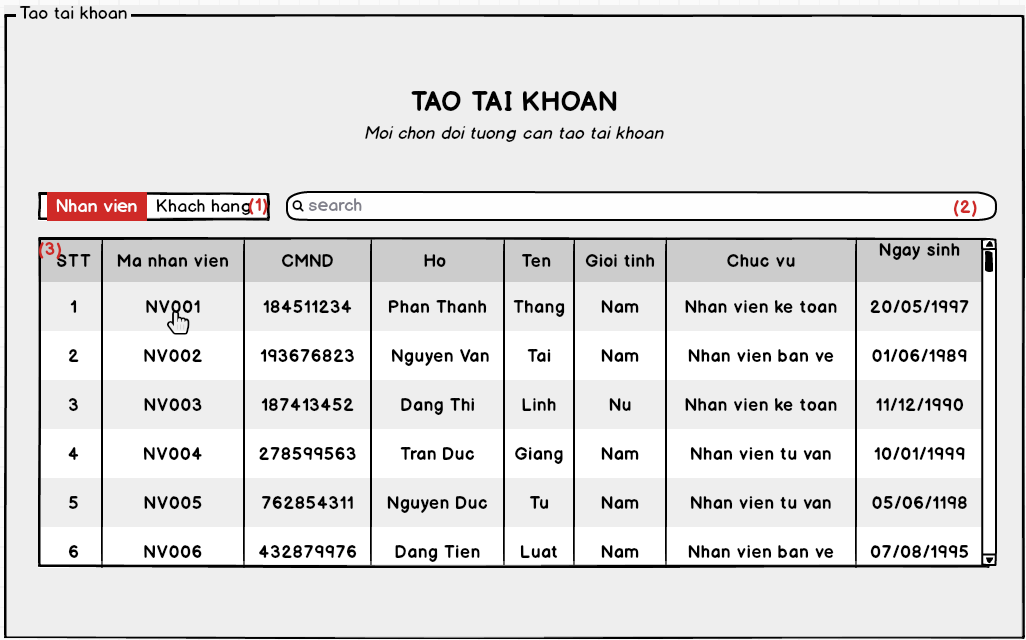
****

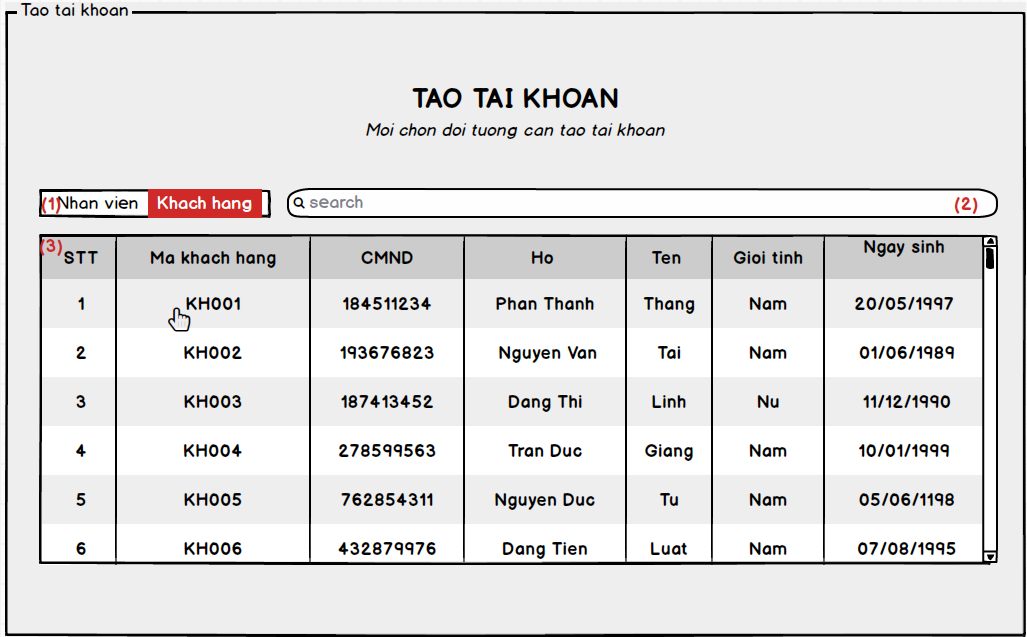
* D1: Thông tin người dùng được chọn để tạo tài khoản bởi quản lí.
* D2: Mã tài khoản được tạo cho người dùng.
* D3: Thông tin tài khoản của người dùng sau khi được xử lí. Bao gồm mã tài khoản, user, password.

**3. Quy trình:**

* Kết nối cơ sở dữ liệu.
* Người dùng chọn đối tượng để tạo tài khoản.
* Nhận dữ liệu của đối tượng (D1) và xử lí.
* Sau khi xử lí thông tin, đẩy thông tin tài khoản (D3) và mã tài khoản tương ứng (D2) xuống cơ sở dữ liệu.
* Kết thúc.

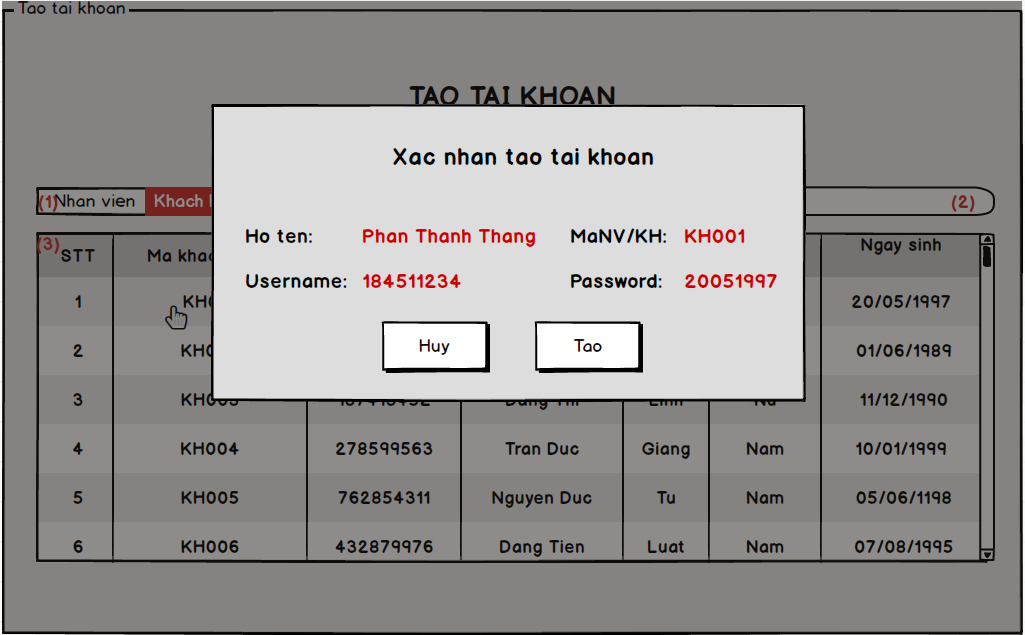
**4. Mockup:**

***a. Khi chọn chức năng “tạo tài khoản”, giao diện sẽ được hiển thị như sau:* **

******

* ***Chú thích:***
* 1: Nút chọn loại đối tượng. Là khách hàng hoặc nhân viên đã có trong hệ thống. Khi chọn nhân viên, hệ thống sẽ hiển thị danh sách nhân viên chưa có tài khoản. Khi chọn khách hàng, hệ thống sẽ hiển thị danh sách khách hàng chưa có tài khoản.
* 2: Thanh tìm kiếm. Người dùng có thể sử dụng thông tin gợi ý để dễ dàng tìm kiếm đối tượng, giúp cho thao tác được nhanh hơn.
* 3: Bảng hiển thị danh sách nhân viên hoặc khách hàng chưa có tài khoản trong hệ thống.

***b. Sau khi người dùng chọn đối tượng để tạo tài khoản, sẽ xuất hiện hộp thoại:***

******

***c. Người dùng chọn tạo để hoàn thành thao tác:***

